

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C2 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122014200302 - Thu l c - Thu vấ H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3641010315	36C2	Lê Hoàng Anh	23/12/1992											0.0	0.0	0	0.0		
2	3641010207	36C2	Nguy n ấ nh Anh	21/09/1993	3.0	3.0									3.0	1.5	3.0	1.5	3.0	
3	3641010287	36C2	Ph m Tu n Anh	08/02/1993	6.0	5.0									5.5	2.8	0.0	0.0	2.8	
4	3641010172	36C2	V ¹ / ₂ Vấ C u	02/11/1993	6.0	6.0									6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
5	3641010194	36C2	L ² Tr n Minh Chí	09/07/1994	5.0	6.0									5.5	2.8	5.0	2.5	5.3	
6	3641010178	36C2	L ² Minh Tr ng Duy	14/10/1993	6.0	6.0									6.0	3.0	3.0	1.5	4.5	
7	3641010160	36C2	Phan T n D ng	16/10/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	5.0	2.5	5.0	
8	3641010266	36C2	Nguy n Hoắng H i	30/09/1994	6.0	7.0									6.5	3.3	7.0	3.5	6.8	
9	3641010166	36C2	Nguy n Vấ H i u	02/04/1994	4.0	4.0									4.0	2.0	5.0	2.5	4.5	
10	3641010229	36C2	Ph m Duy H i u	25/02/1993											0.0	0.0	0	0.0		
11	3641010317	36C2	ấ Minh H i p	26/09/1993											0.0	0.0	0	0.0		
12	3641010220	36C2	H Phi Huy	01/01/1992	6.0	6.0									6.0	3.0	2.0	1.0	4.0	
13	3641010150	36C2	Tr n ấ nh Huy	19/09/1993											0.0	0.0	0	0.0		
14	3641010282	36C2	L ² Tr ng H u	30/03/1991	6.0	7.0									6.5	3.3	8.0	4.0	7.3	
15	3641010265	36C2	Nguy n Ng c Kh ng	26/02/1993	4.0	5.0									4.5	2.3	0	0.0		
16	3641010195	36C2	Huinh Minh Luân	03/07/1993	4.0	5.0									4.5	2.3	6.0	3.0	5.3	
17	3641010233	36C2	Châu Minh M n	18/05/1994											0.0	0.0	0	0.0		
18	3641010208	36C2	L c Ch' M n	23/06/1994											0.0	0.0	0	0.0		
19	3641010159	36C2	Huinh Cắng Minh	13/04/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	5.0	2.5	5.0	
20	3641010296	36C2	Tr ng Cắng Minh	04/05/1993	6.0	6.0									6.0	3.0	3.0	1.5	4.5	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C2 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122014200302 - Thu l c - Thu v ấ H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3645010280	36C2	Ng» ấ nh Ngh	30/04/1993											0.0	0.0	0	0.0		
22	3641010197	36C2	Nguy n Ti n Ngh	14/10/1993	7.0	8.0									7.5	3.8	8.0	4.0	7.8	
23	3641010309	36C2	ấ Nhàn	20/12/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	0	0.0		
24	3641010187	36C2	Cao Xuân Phi	13/06/1994	5.0	6.0									5.5	2.8	5.0	2.5	5.3	
25	3641010158	36C2	Nguy n Thanh Phong	30/05/1994											0.0	0.0	0	0.0		
26	3641010304	36C2	L ² Vĩ t Quang	01/09/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	3.0	1.5	4.0	
27	3641010258	36C2	Nguy n Huu nh Quĩ Tài	08/08/1993	6.0	6.0									6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
28	3641010235	36C2	Nguy n Th ấ nh Tài	16/08/1994											0.0	0.0	0	0.0		
29	3641010318	36C2	L ² V ấ Tân	01/05/1994											0.0	0.0	0	0.0		
30	3641010237	36C2	Ph m Ho ấ Ti n	02/03/1991	3.0	4.0									3.5	1.8	5.0	2.5	4.3	
31	3641010151	36C2	Tr n V ấ Ti n	17/08/1994	7.0	7.0									7.0	3.5	5.0	2.5	6.0	
32	3641010279	36C2	Thu n V ấ Ti p	15/05/1993											0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
33	3641010232	36C2	Lê Thành To n	17/05/1991	5.0	5.0									5.0	2.5	6.0	3.0	5.5	
34	3641010257	36C2	Lê Hoàng Tuân	24/09/1994											0.0	0.0	0	0.0		
35	3641010161	36C2	Nguy n Xu ^a n Túc	08/02/1994	5.0	6.0									5.5	2.8	7.0	3.5	6.3	
36	3641010190	36C2	T ấ ng Thanh T	10/02/1993	4.0	6.0									5.0	2.5	5.0	2.5	5.0	
37	3641010214	36C2	ấ T n Trung Thành	03/03/1993											0.0	0.0	0	0.0		
38	3645010255	36C2	Lý Tú Thành	20/01/1993											0.0	0.0	0	0.0		
39	3642010297	36C2	V ng ấ c Th ng	08/05/1993											0.0	0.0	0	0.0		
40	3641010250	36C2	Lĩ Ng c Thi n	02/01/1993	4.0	5.0									4.5	2.3	6.0	3.0	5.3	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C2 Nấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122014200302 - Thu l c - Thu vấ H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
41	3641010270	36C2	Tr n Vấ	Th nh	12/10/1992										0.0	0.0	0	0.0		
42	3641010238	36C2	Nguy n Th	Tri u	15/04/1993	4.0	5.0								4.5	2.3	5.0	2.5	4.8	
43	3641010196	36C2	Vấ Minh	Trí	26/09/1993	4.0	6.0								5.0	2.5	6.0	3.0	5.5	
44	3641010163	36C2	Cao Hoàng	Tr ng	01/05/1993	5.0	5.0								5.0	2.5	5.0	2.5	5.0	
45	3641010185	36C2	Lê Chí	V	12/06/1993	4.0	6.0								5.0	2.5	5.0	2.5	5.0	
46	3641010247	36C2	ấ inh T n	VHO	07/05/1994										0.0	0.0	0	0.0		
47	3641010276	36C2	Ngô Hoàn	VHO	20/07/1994	4.0	6.0								5.0	2.5	5.0	2.5	5.0	
48	3641010183	36C2	T ng T ng	V ng	11/12/1994	6.0	6.0								6.0	3.0	3.0	1.5	4.5	

T ng s : 48 h c sinh sinh vĩ n Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi" o Vĩ n B M»n Gi" o V Khoa